## MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

**I. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 2; Chương VII Từ bài 31 đến 39 (23 tiết), Chương VIII từ bài 40 đến 42 (7 tiết)*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: Nhận biết: 8 câu, Thông hiểu: 5 câu; Vận dụng: 3 câu; Vận dụng cao: 0 câu, mỗi câu 0,25 điểm.*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 1,75 điểm; Vận dụng: 1,25 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung chương VII: 7*5% (7,5 điểm; Chủ đề 1: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG - 23 tiết)*

- Nội dung chương VIII: *25% (2,5 điểm; Chủ đề 2: LỰC TRONG ĐỜI SỐNG - 7tiết)*

***-* KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm**  **(%)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1. Đa dạng thế giới sống (23 tiết)* | 1  (1,0) | **8** | 1(1,5) | **4** | 1(1,0) |  | 1(1,0) |  | 4 | **12** | **7,5**  **(75%)** |
| *2. Lực trong đời sống*  *(7 tiết)* | 1 (0,5) | **2** |  | **2** | 1(1đ) |  |  |  | 2 | **4** | **2,5**  **(25%)** |
| **Tổng câu** | 2 | **10** | 1 | **6** | 2 |  | 1 |  | 6 | **16** | **22** |
| **Tổng điểm** | **1,5** | **2,5** | **1,5** | **1,5** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **% điểm số** | **40%(4,0 )** | | **30%(3,0)** | | **20% (2,0)** | | **10%(1,0)** | | **60%** | **40%** | **100%** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (23 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.  - Sự đa dạng của thực vật, động vật.  - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  | 1 |  |  |
| - Nêu được một số bệnh do nấm, rêu gây ra. |  | 2 |  |  |
| - Nêu được một số thực vật, động vật trong đời sống. |  | 2 |  |  |
| - Nêu được một số tác hại của động, thực vật trong đời sống. |  | 2 |  |  |
| - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn, vai trò của động vật. (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … | 1 | 1 |  |  |
| **Thông hiểu** | - So sánh được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  | **1** |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  | 1 |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  | 1 |  |  |
| - Liệt kê được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  | **1** |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). | **1** |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  |  |  | C4 |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | 1 |  | C20 |  |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 1 |  | C5 |
| - Hiểu được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. | 1 | 2 |  | C8;  C14. |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. | **1** |  |  |  |
| - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. | **1** |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... | 1 |  |  |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| Trình bày vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên; phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín) trong thực tế. |  |  |  |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |
| ***Lực trong đời sống (7 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| – Lực và tác dụng của lực  – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc  – Ma sát  – Lực cản của nước  – Khối lượng và trọng lượng  – Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  | 1 |  |  |
| - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. | **1** |  |  |  |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  | 1 |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  | 1 |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. | 1 |  |  |  |
| - Phân tích được mối quan hệ giữa độ biến dạng với khối lượng của vật. |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)****Câu 1.** Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật

**A.** có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi. **B.** có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.

**C.** chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi. **D.** có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn.

**Câu 2.**Những loài nấm độc thường có điểm đặc trưng là

**A.** tỏa ra mùi hương quyến rũ. **B.** sống quanh các gốc cây.  
**C. có màu sắc rất sặc sỡ.** **D.** Có kích thước rất lớn.

**Câu 3.** Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách

**A.** giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO2. **B.** giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO2 và O2. **C.** giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO2. **D.** giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O2.

**Câu 4.** Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là

**A.** cây nhãn, cây hoa ly, cây vạn tuế. **B.** cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.

**C.** cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa. **D.** cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

**Câu 5.** Động vật có xương sống bao gồm

**A.** cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **B.** cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú.

**C.** thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **D.** cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.

**Câu 6.** Đơn vị của lực là

**A.** niutơn. **B.** mét. **C.** giờ. **D.** gam.

**Câu 7**. Dụng cụ dùng để đo lực là

**A**. cân. **B**. đồng hồ. **C**. thước dây. **D**. lực kế.

**Câu 8.** Động vật nào dưới đây thuộc lớp lưỡng cư?

**A.** Cá chép.      **B**. Cá cóc Tam đảo.     **C**. Cá mè.    **D**. Cá sấu.

**Câu 9.** Trường hợp liên quan đến lực không tiếp xúc là

**A.** vận động viên nâng tạ. **B.** người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sân.

**C.** giọt mưa đang rơi. **D.** bạn Nam đóng đinh vào tường.

**Câu 10.** Dương xỉ sinh sản bằng

**A.** cách nảy chồi. **B.** củ. **C.** bào tử. **D.** hạt.

**Câu 11.** Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 100 g thì độ biến dạng của lò xo là 0,5 cm. Để độ biến dạng của lò xo là 2 cm thì cần treo vật nặng có khối lượng là

**A**. 200g. **B**. 300g. **C.** 400g. **D**. 500g.

**Câu 12.** Thực vật có vai trò đối với động vật là

**A**. cung cấp thức ăn.                        **C**. cung cấp thức ăn, nơi ở.

**B**. ngăn biến đổi khí hậu. **D**. giữ đất, giữ nước.

**Câu 13.** Thực vật được chia thành các ngành nào?

**A**. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín. **B**. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

**C**. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm. **D**. Nấm, Rêu, Tảo, và Hạt kín.

**Câu 14.** Tập hợp các loài nào dưới đây thuộc lớp bò sát?

**A**. Rùa, rắn, cá sấu, cóc nhà. **B**. Thằn lằn, rắn, cá sấu, ba ba.

**C**. Ba ba, rùa, cá sấu, thỏ. **D**. Thằn lằn, rắn, cá voi, rùa.

**Câu 15.** Rêu thường sống ở

**A.** dưới nước. **B**. nơi ẩm ướt.

**C.** nơi khô hạn. **D.** môi trường không khí.

**Câu 16.**Nhóm thực vật nào sau đây có đặc điểm: có mạch, có hạt, không có hoa?

**A.** Rêu.            **B.** Dương xỉ. **C**. Hạt trần.      **D.** Hạt kín.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1,25 điểm).** Nêu vai trò của động vật không xương sống đối với con người?

**Câu 18 (0,75 điểm).** Lấy ba ví dụ về tác dụng của lực trong đó có trường hợp:

+ vật thay đổi vận tốc;

+ vật thay đổi hướng chuyển động;

+ vật bị biến dạng.

**Câu 19 (1,25 điểm)**. Một xe đầu kéo đang kéo một thùng hàng với lực 500 N. Hãy biểu diễn và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp này.

**Câu 20 (1,75 điểm).** Em hãy trình bày vai trò của thực vật đối với đời sống con người?

**Câu 21 (1,0 điểm).** Trong quá trình lấy nấm mốc ra khỏi mẫu vật để quan sát, em cần sử dụng những dụng cụ gì để đảm bảo an toàn sức khỏe? Giải thích lí do của việc sử dụng các dụng cụ đó?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2**

**I. TNKQ (4,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đ/A | A | C | B | C | A | A | D | B | C | C | C | C | A | B | B | C |

**Phần II: Tự luận: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**  **(1,25 điểm)** | Trình bày đúng vai trò của động vật không xương sống đối với con người.  - Làm thực phẩm: tôm, cua, mực, sứa,...  - Làm dược liệu: mật ong, vỏ bào ngư,...  - Làm màu mỡ đất đai: giun đất  - Làm thức ăn cho động vật khác: châu chấu, dế mèn... | 0,25 điểm  0,5 điểm  0,25 điểm 0,25 điểm |
| **Câu 18**  **(0,75 điểm)** | - Mỗi trường hợp đúng 0,25 điểm.  + Bạn An đá quả bóng về phía cầu môn.  + Quả bóng đập vào xà ngang rồi bật ra.  + Em bé nằm trên đệm. | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 19**  **(1,25 điểm)** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên (Vẽ đúng: )  + Điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn như đã cho.  + Phương nằm ngang; chiều của lực kéo (từ trái sang phải hoặc từ phải sang trái).  - Với chiếc xe đầu kéo có khối lượng và trọng tải lớn, cùng với thùng hàng với lực kéo 500 N nhỏ hơn nhiều có thể chưa đủ làm xe chuyển động nếu xe đang đứng yên. | 0,5 điểm  0,25điểm  0,5 điểm |
| **Câu 20**  **(1,75 điểm)** | Vai trò của thực vật đối với đời sống con người  - Cung cấp lương thực, thực phẩm.  - Cho bóng mát và điều hòa khí hậu.  - Làm thuốc, gia vị, cây cảnh và trang trí.  - Làm đồ dùng và nguyên liệu để sản xuất giấy. | 0,5 đ  0,5 đ  0,25 đ  0,5 đ |
| **Câu 21**  **(1,0 điểm)** | - Khi lấy nấm mốc, cần sử dụng găng tay, khẩu trang, kính bảo vệ mắt.  - Giải thích: Vì bào tử nấm mốc rất nhẹ, dễ dàng phát tán trong không khí và dễ gây kích ứng da khi tiếp xúc trực tiếp, nếu hít phải sẽ ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe. | 0,5 điểm  0,5 điểm |